TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2022/DS-PT
Ngày: 10/8/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH một thành viên thức ăn thủy sản T.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1978; cư trú tại: Số nhà 492/TT, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964, cư trú tại: Số nhà D2, cư xá P, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1989;

2. Bà Mai Thị L1, sinh năm 1986;

Cùng cư trú tại: Số nhà 91/2, ấp A1, xã A, huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Mai Thị L1 là: Anh Lê Văn L.

- *Người kháng cáo*: Anh Lê Văn L, chị Mai Thị L1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên thức ăn thủy sản T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Khoảng từ tháng 01/ 2018, ông Lê Văn L và bà Mai Thị L1 có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thức ăn thủy sản T (sau đây viết tắt là Công ty T) do bà Đoàn Thị T1 làm đại diện theo pháp luật, mục đích để nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế gia đình, hai bên thỏa thuận hình thức giao hàng là Công ty T giao hàng đến tận ao, Công ty T sẽ bao thức ăn và thuốc thủy sản cho đến khi thu hoạch, ông L và bà L1 phải thanh toán toàn bộ sau khi thu hoạch xong. Thực hiện theo thỏa thuận trên Công ty T đã giao đầy đủ thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Lê Văn L và bà Mai Thị L1. Tính đến ngày 31/01/2019 thì ông L, bà L1 còn nợ Công ty T là 825.055.000 đồng.

Sau nhiều lần Công ty T nhắc nhở ông L và bà L1 có trả được 200.000.000 đồng; ngày 05/05/2020 các bên xác nhận lại số tiền nợ thì ông L và bà L1 còn nợ Công ty T là 625.055.000 đồng nhưng các bên thống nhất ông L và bà L1 nợ là 625.000.000 đồng. Ngày 02/6/2020, Công ty T có khởi kiện ông L và bà L1 tại Toà án, khi hoà giải các bên thỏa thuận thời hạn và cách thức trả nợ như sau:

- Ngày 30/8/2020 ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2020 ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 30/5/2021 ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 30/8/2021 ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2021 ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 30/6/2022 ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả 125.000.000 đồng.

Ngoài ra, các bên còn thoả thuận nếu ông L và bà L1 không trả nợ đúng hạn thì ông L và bà L1 phải chịu lãi xuất 1,5%/tháng. Do Công ty T với ông L và chị L1 đã thoả thuận được nên Công ty T đã rút đơn khởi kiện. Thực hiện cam kết ông L và bà L1 có trả cho Công ty T được 02 lần với số tiền là 200.000.000 đồng, số còn lại là 425.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Tại phiên hoà giải Công ty T yêu cầu giải quyết, buộc ông Lê Văn L và bà Mai Thị L1 phải liên đới thanh toán số nợ gốc còn lại là 425.000.000 đồng và nợ lãi là 122.800.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu ông L và bà L1 phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Công ty T là 425.000.000 đồng. Đối với nợ lãi, nguyên đơn yêu cầu:

+ Từ ngày 31/5/2021 đến ngày 29/4/2022 là 11 tháng, cụ thể: 100.000.000 đồng x 1.5% x 23 tháng = 16.500.000 đồng.

+ Từ ngày 31/8/2021 đến ngày 29/4/2022 là 08 tháng, cụ thể: 100.000.000 đồng x 1.5% x 08 tháng = 12.000.000 đồng.

+ Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 29/4/2022 là 05 tháng, cụ thể: 100.000.000 đồng x 1.5% x 08 tháng = 7.500.000 đồng.

+ Đối với số tiền 125.000.000 do chưa đến hạn trả nợ nên việc Công ty T không yêu cầu tính lãi.

Tổng số tiền mà Công ty T yêu cầu ông L và bà L1 phải trả là 461.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 425.000.000 đồng, nợ lãi là 36.000.000 đồng. Ông Hải tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông L và bà L1 với số tiền là 86.800.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2019 vợ chồng ông có nhiều lần đến Công ty T để mua thức ăn, hóa chất và thuốc thủy sản để phục vụ nuôi tôm công nghiệp. Hình thức mua bán các bên thỏa thuận Công ty T sẽ bao đến cuối vụ, cách thức thanh toán nợ là nếu vụ nào lời thì sẽ trả toàn bộ, nếu vụ nào lỗ thì có bao nhiêu trả bấy nhiêu, khi nào ông cần mua mặt hàng nào thì gọi điện cho Công ty T. Công ty T sẽ cho người giao hàng đến tận ao nuôi, khi giao hàng các bên có lập sổ theo dõi.

Do nuôi tôm thua lỗ tính đến ngày 31/01/2019 thì ông và bà L1 còn nợ Công ty T số tiền là 825.055.000 đồng, sau đó ông và bà L1 có trả được cho Công ty T số tiền 200.000.000 đồng còn nợ lại 625.055.000 đồng. Đến tháng 05 năm 2020 Công ty T khởi kiện thì ông và bà L1 có thỏa thuận với ông Hải về thời hạn và cách thức trả nợ như lời trình bày nêu trên của ông Hải. Do tình hình dịch bệnh, giá tôm quá thấp nên ông và bà L1 chỉ trả được 200.000.000 đồng còn nợ lại 425.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả được.

Ông L thừa nhận, hiện nay ông và bà L1 còn nợ Công ty T số tiền là 425.000.000 đồng. Hiện nay kinh tế gia đình của ông đang gặp khó khăn nên

không trả một lần theo yêu cầu của Công ty T được. Ông yêu cầu được trả dần như sau: Ngày 20/5/2022 (AL) trả 100.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 (AL) trả 100.000.000 đồng, ngày 20/3/2023 trả 100.000.000 đồng và ngày 20/9/2023 (AL) trả 125.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 122.800.000 đồng mà Công ty T yêu cầu ông và bà L1 trả thì ông không đồng ý trả, lý do: khi mua bán vợ chồng ông với Công ty T không có thỏa thuận nếu chậm trả thì phải trả lãi cho Công ty T và đồng thời số tiền trên là tiền mua thức ăn không phải là tiền vay nên không phải trả lãi. Ông thừa nhận "*Giấy thoả thuận*" về việc trả nợ tiền thức ăn ngày 12/8/2020 là do ông tự nguyện thoả thuận và ký tên. Ông đồng ý liên đới với bà L1 trả 425.000.000 đồng cho Công ty T như sau: Vào tháng 07 năm 2022 âm lịch trả 100.000.000 đồng; tháng 01 năm 2023 âm lịch trả 100.000.000 đồng, tháng 07 năm 2023 âm lịch trả 100.000.000 đồng, tháng 01 năm 2024 âm lịch trả 125.000.000 đồng. Ông L đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 86.800.000 đồng. Đối với số tiền lãi 36.000.000 đồng mà Công ty T yêu cầu, ông không đồng ý trả do lúc mua bán Công ty T không nêu điều kiện này.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 02 năm 2022 bị đơn chị Mai Thị L1 trình bày:

Bà và ông L thừa nhận có mua thức ăn tôm của Công ty T và hiện nay còn nợ Công ty T số tiền 425.000.000 đồng, chưa trả được. Tuy nhiên, vợ chồng bà hiện tại vẫn còn nuôi tôm nhưng nuôi không đạt nên không thể trả một lần số tiền trên cho Công ty T. Bà đồng ý liên đới với ông L trả số tiền 425.000.000 cho Công ty T. Bà yêu cầu trả dần cho như sau: Ngày 20/5/2022 (AL) trả 100.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 (AL) trả 100.000.000 đồng, ngày 20/3/2023 trả 100.000.000 đồng và ngày 20/9/2023 (AL) trả 125.000.000 đồng.

Do khi thỏa thuận mua bán thức ăn, Công ty T không có thỏa thuận nếu bà và ông L chậm trả sẽ phải trả lãi và số tiền nợ là bà và ông L mua thức ăn chứ không phải vay tiền nên không đồng ý trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P1 đã quyết định như sau:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên thức ăn thủy sản T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn L và bà Mai Thị L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Một thành viên thức ăn thủy sản T nợ lãi là 86.800.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên thức ăn thủy sản T. Buộc ông Lê Văn L và bà Mai Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho

Công ty TNHH Một thành viên thức ăn thủy sản T số tiền 461.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 425.000.000 đồng, nợ lãi là 36.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2022 bị đơn ông Lê Văn L, bà Mai Thị L1 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P1, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, để ông L, bà L1 được trả dần tiền nợ và không trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Phía ông L, bà L1 còn nợ nguyên đơn 450.000.000 đồng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã trả được 150.000.000 đồng còn nợ lại 300.000.000 đồng thì thống nhất sẽ trả như sau:

- Lần 1 ngày 10/02/2023 trả 150.000.000 đồng;

- Lần 2 ngày 10/8/2023 trả 150.000.000 đồng.

Nếu anh Lê Văn L và chị Mai Thị L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mốc thời gian nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 kể từ thời điểm vi phạm thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự thống nhất thừa nhận ông L, bà L1 còn nợ Công ty T số tiền là 425.000.000 đồng tiền vốn gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm phía ông L, bà L1 đã trả cho nguyên đơn Công ty T số tiền 150.000.000 nên số tiền còn nợ lại tổng cộng là: 300.000.000 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và yêu cầu Tòa án công nhận nội dung thỏa thuận như sau:

Phía ông L, bà L1 trả số tiền nợ còn lại cho Công ty T như sau:

Lần 1, ngày 10/02/2023 trả 150.00.000 đồng;

Lần 2, ngày 10/8/2023 trả 150.000.000 đồng.

Nếu anh Lê Văn L và chị Mai Thị L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mốc thời gian nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 kể từ thời điểm vi phạm thanh toán.

Xét nội dung thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Từ nhận định trên, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn L, bà Mai Thị L1 phải liên đới chịu là 15.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.695.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002924 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P1, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L, bà Mai Thị L1 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007304 và 0007303 cùng ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Công ty TNHH một thành viên thức ăn thủy sản T với ông Lê Văn L, bà Mai Thị L1

Áp dụng các điều 430, 433, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số; 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên thức ăn thủy sản T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn L và bà Mai Thị L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Một thành viên thức ăn thủy sản T nợ lãi là 86.800.000 đồng (tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên thức ăn thủy sản T về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Lê Văn L, bà Mai Thị L1.

Buộc ông Lê Văn L và bà Mai Thị L1 có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH một thành viên thức ăn thủy sản T số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) trong hai lần như sau:

Lần 1, ngày 10/02/2023 trả 150.00.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

Lần 2, ngày 10/8/2023 trả 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Nếu anh Lê Văn L và chị Mai Thị L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mốc thời gian nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 kể từ thời điểm vi phạm thanh toán.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn L, bà Mai Thị L1 phải liên đới chịu là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.695.000 đồng (mười T4ệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002924 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P1, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L, bà Mai Thị L1 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007304 và 0007303 cùng ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện P1;
- Chi cục THADS huyện P1;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng